

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	5 - 6
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	13 - 60



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc
Bà Hòa Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thoản	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Giang	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phượng	Thành viên
Bà Văn Thị Lan Anh	Thành viên

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là Ông Nguyễn Lê Trung.

Bà Hòa Thị Thu Hà, Phó Tổng Giám đốc, được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 1001/2022/UQ ngày 10 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

U81
ĐƠN
H NHI
ST
/IỆT
-TP

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 29 tháng 8 năm 2024.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA AN PHÁT XANH
40 CỖ

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.
Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



Số tham chiếu: 61515943/ E-68416878/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 7 đến trang 60, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2071-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.216.901.548.078	2.677.631.579.024
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.832.988.815.928	1.516.218.987.027
111	1. Tiền		1.579.845.562.983	1.109.790.439.543
112	2. Các khoản tương đương tiền		253.143.252.945	406.428.547.484
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	247.677.100.000	29.323.936.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		247.677.100.000	29.323.936.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		547.096.153.255	617.223.468.992
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	218.103.791.462	210.142.938.102
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	282.899.138.382	27.375.562.913
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	20.000.000.000	356.920.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	26.093.223.411	22.784.967.977
140	IV. Hàng tồn kho	10	555.760.157.254	501.439.424.725
141	1. Hàng tồn kho		555.760.157.254	501.439.424.725
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.379.321.641	13.425.762.280
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	8.003.084.459	5.857.492.079
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	25.373.749.682	7.565.782.701
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	2.487.500	2.487.500

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.899.765.924.830	4.902.588.384.112
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.048.819.081	16.048.819.081
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	15.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	1.048.819.081	1.048.819.081
220	II. Tài sản cố định		1.052.238.417.719	1.133.723.635.711
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	994.974.056.326	1.075.125.020.196
222	Nguyên giá		2.617.871.525.954	2.621.886.732.613
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.622.897.469.628)	(1.546.761.712.417)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	57.264.361.393	58.598.615.515
228	Nguyên giá		79.162.510.029	79.162.510.029
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.898.148.636)	(20.563.894.514)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		45.959.137.232	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	45.959.137.232	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	3.736.324.203.015	3.693.847.291.421
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	2.807.566.671.231	2.807.566.671.231
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	1.143.203.927.841	1.143.203.927.841
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	15	(214.446.396.057)	(256.923.307.651)
260	V. Tài sản dài hạn khác		64.195.347.783	58.968.637.899
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	64.195.347.783	56.852.442.791
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	-	2.116.195.108
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.116.667.472.908	7.580.219.963.136

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.598.124.637.369	2.391.059.680.616
310	I. Nợ ngắn hạn		2.168.460.780.820	2.218.536.434.257
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	243.458.893.991	258.062.065.521
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	140.859.755.729	65.131.439.052
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	27.061.843.888	4.153.819.336
314	4. Phải trả người lao động		20.801.280.984	18.583.720.769
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	21.867.619.385	31.309.017.264
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	5.780.588.487	5.049.387.762
320	7. Vay ngắn hạn	20	1.694.374.890.950	1.834.486.295.842
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	14.255.907.406	1.760.688.711
330	II. Nợ dài hạn		429.663.856.549	172.523.246.359
338	1. Vay dài hạn	20	427.099.577.850	172.523.246.359
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	2.564.278.699	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.518.542.835.539	5.189.160.282.520
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	5.518.542.835.539	5.189.160.282.520
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		823.961.323.817	823.961.323.817
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		72.330.911.673	72.330.911.673
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.612.477.781	11.612.477.781
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		787.893.162.268	458.510.609.249
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		425.666.189.605	294.288.511.031
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		362.226.972.663	164.222.098.218
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.116.667.472.908	7.580.219.963.136

Hoài Linh

Đỗ Hoài Linh
Người lập

Thùy Vân

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

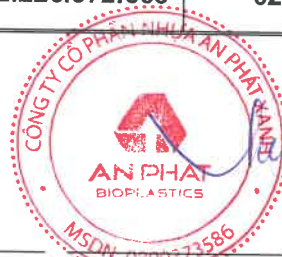
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.909.817.162.409	2.049.901.494.519
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	(105.404.950)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.909.817.162.409	2.049.796.089.569
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(1.585.074.275.478)	(1.847.187.442.885)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		324.742.886.931	202.608.646.684
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	247.202.305.039	83.590.075.238
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>	26	(12.545.733.758) <i>(49.265.907.640)</i>	(106.095.854.158) <i>(60.217.610.349)</i>
25	8. Chi phí bán hàng	27	(109.399.211.666)	(76.737.070.658)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(45.349.733.480)	(35.795.914.264)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		404.650.513.066	67.569.882.842
31	11. Thu nhập khác	29	2.024.014.618	2.945.471.003
32	12. Chi phí khác	29	(60.814.814)	(1.252.003.735)
40	13. Lợi nhuận khác	29	1.963.199.804	1.693.467.268
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		406.613.712.870	69.263.350.110
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.2	(39.706.266.400)	(14.512.862.244)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.3	(4.680.473.807)	(2.454.930.718)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		362.226.972.663	52.295.557.148

Đỗ Hoài Linh

Nguyễn Thị Thủy Vân



Hòa Thị Thu Hà

Đỗ Hoài Linh
Người lập

Nguyễn Thị Thủy Vân
Kế toán trưởng

Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		406.613.712.870	69.263.350.110
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ tiền thuê đất trả trước	12, 13	89.293.446.941	93.359.641.051
03	Các khoản dự phòng		(42.476.911.594)	35.758.697.942
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(25.726.788.321)	4.464.855.059
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(178.906.294.328)	(69.613.743.885)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu và khoản vay)	26	52.642.856.509	63.738.302.829
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		301.440.022.077	196.971.103.106
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(33.772.422.669)	288.488.971.703
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(54.320.732.529)	249.386.746.097
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		56.712.965.918	(105.596.425.901)
12	Tăng chi phí trả trước		(10.641.914.680)	(7.534.478.955)
14	Tiền lãi vay đã trả		(49.532.689.141)	(60.567.375.417)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(17.194.038.038)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	21	(20.349.200.949)	(12.600.730.726)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		172.341.989.989	548.547.809.907
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(303.773.879.924)	(9.159.733.826)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.545.454.545	2.863.636.364
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(288.947.100.000)	(706.920.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		422.513.936.000	50.730.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(74.200.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		177.070.515.853	55.350.902.488
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		8.408.926.474	(681.335.194.974)

SỔ QUẢN LÝ CHỈ TIÊU RNS VI
 V1-7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.626.181.657.834	1.603.956.391.215
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.517.941.653.248)	(1.543.895.133.942)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		108.240.004.586	60.061.257.273
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		288.990.921.049	(72.726.127.793)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.516.218.987.027	1.105.171.343.367
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		27.778.907.852	2.097.773.698
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	1.832.988.815.928	1.034.542.989.272



Đỗ Hoài Linh
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng

Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0403000550 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 9 tháng 3 năm 2007, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 36 ngày 10 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AAA từ tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa (PP, PE), bao bì nhựa các loại, và mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam và Văn phòng đại diện tại Hà Nội: Tầng 16, tòa nhà PV Oil, số 148 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”) là công ty mẹ cấp cao nhất của Công ty, Công ty An Phát Holdings và các công ty con sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 1.650 (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.684 người).

TY
DUH
DUN
M
CHI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 11 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 11 công ty con) với chi tiết như sau :

STT	Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
1	Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("HI" hoặc "Công ty An Tiến")	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, sản xuất phụ gia và bột đá
2	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát ("Công ty An Phát Complex")	93,04%	93,04%	93,04%	93,04%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
3	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd. ("Công ty An Thành Singapore") (i)	54,85%	100%	54,85%	100%	Số 3 đường Temasek, tầng 21 tòa Centennial, Singapore	Kinh doanh hạt nhựa
4	Công ty Cổ phần An Thành Bicol ("Công ty An Thành") (i)	76,66%	99,69%	76,66%	99,69%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS, ...
5	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (i)	54,31%	99%	54,31%	99%	Lô CN11+CN 12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương
6	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 ("Công ty An Phát Complex 1") (i)	94,7%	99,99%	94,7%	99,99%	Khu công nghiệp An Phát 1, Km 72, Quốc lộ 37, Xã An Bình, Huyện Nam Sách, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 11 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023 : 11 công ty con) với chi tiết như sau: (tiếp theo)

STT	Công ty	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Địa chỉ	Hoạt động chính
		Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)		
7	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh")	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
8	An Phát International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	24 Greenway Plaza, 18th Floor, Suite 1800-I Houston, TX 77046	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
9	AFC EcoPlastics, LLC.	75%	75%	75%	75%	24 Greenway Plaza, 18th Floor, Suite 1800-I Houston, TX 77046	Kinh doanh hạt nhựa
10	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (i)	43%	60,98%	39,72%	55%	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất sản phẩm từ nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
11	Ankor Bioplastics Co., Ltd ("Công ty Ankor") (i)	21,93%	51%	20,26%	51%	216, Munmakgongdan-gil, Munmak-eup, Wonju-si, Gangwon-do, Republic of Korea (26362)	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, nhựa phân hủy

(i) Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết trong các công ty con này khác nhau do Công ty kiểm soát các công ty con này trực tiếp và/hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác.

Ngoài ra, Công ty có 3 công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 15.2.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày đề ngày 25 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|---|
| Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ | - | Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng phương pháp giá bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

330
 C
 RACH
 RN
 V
 V1-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

311
ĐNC
NHIỆP
T &
ỆT
P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Cây lâu năm	8 - 25 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 48 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng và thuê đất;
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất của Công ty ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương trong thời hạn từ 21 năm đến 48 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Người mua trả tiền trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong kỳ được phản ánh trong tài khoản “Người mua trả tiền trước” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ được trích lập theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các năm tài chính nhằm mục đích dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại và kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty gồm hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh thương mại và các hoạt động khác. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG KỲ

Mở rộng quy mô và tăng tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy 8

Ngày 9 tháng 01 năm 2024, UBND tỉnh Hải Dương đã phê duyệt Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 61/QĐ – UBND về việc thay đổi tên, mở rộng quy mô và tăng tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy 8 của Công ty tại Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Thông tin Dự án được điều chỉnh cụ thể như sau:

- ▶ Tên dự án: Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa;
- ▶ Mục đích dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm từ nhựa (bao bì, tấm sàn nhựa vật liệu xây dựng) nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường;
- ▶ Quy mô dự án: sản xuất bao bì phức hợp, hạt nhựa compound, phân tách làm sạch các loại hạt nhựa và sản xuất tấm sàn nhựa vật liệu xây dựng; và
- ▶ Tổng vốn đầu tư dự án: 992.599.000.000 VND.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền mặt	774.012.239	665.039.332
Tiền gửi ngân hàng	1.579.071.550.744	1.109.125.400.211
Các khoản tương đương tiền (*)	253.143.252.945	406.428.547.484
TỔNG CỘNG	<u>1.832.988.815.928</u>	<u>1.516.218.987.027</u>

(*) Các khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND từ 1,9% đến 4,4%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: tiền gửi bằng VND từ 3,2% đến 5,3%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

Một số khoản tiền gửi có kì hạn và tiền tại tài khoản thanh toán của Công ty được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

Công ty cũng có một khoản tiền thanh toán bị phong tỏa với tổng giá trị là 1,5 triệu USD (tương đương với số tiền là 37,9 tỷ VND theo tỷ giá quy đổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2024) đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty An Phát International, Inc. với một ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	247.677.100.000	247.677.100.000	29.323.936.000	29.323.936.000
TỔNG CỘNG	247.677.100.000	247.677.100.000	29.323.936.000	29.323.936.000

(*) Các khoản tiền gửi bằng VND và USD tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 8 tháng, với lãi suất tiền gửi bằng VND từ 4,4% - 5,1%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: tiền gửi bằng VND từ 5,2% - 7%/năm và tiền gửi bằng USD là 0%/năm).

Một số khoản tiền gửi có kì hạn của Công ty được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ khách hàng khác	210.693.312.556	180.354.023.953
<i>KOMPOL SP. Z O.O</i>	35.255.823.495	17.872.813.398
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	175.437.489.061	162.481.210.555
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	7.410.478.906	29.788.914.149
TỔNG CỘNG	218.103.791.462	210.142.938.102

Một số khoản phải thu khách hàng đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng thương mại của Công ty tại Thuyết minh 20.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trả trước cho các bên khác	278.318.940.165	26.375.562.913
<i>Công ty Cổ phần Premier Outlet Việt Nam (*)</i>	233.025.774.998	20.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp ANI (*)</i>	36.806.658.690	-
<i>Trả trước cho các bên khác</i>	8.486.506.477	6.375.562.913
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	4.580.198.217	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	282.899.138.382	27.375.562.913

(*) Đây là các khoản trả trước cho nhà thầu xây dựng và nhà cung cấp máy móc, thiết bị sản xuất cho Dự án Nhà máy 8 - Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Cho vay các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	20.000.000.000	356.920.000.000
TỔNG CỘNG	20.000.000.000	356.920.000.000

Thông tin chi tiết khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên nhận vay</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	20.000.000.000	Gốc và lãi thanh toán tại thời điểm đáo hạn ngày 31 tháng 3 năm 2025.	6%	Tín chấp
TỔNG CỘNG		20.000.000.000			

9. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Tạm ứng cho nhân viên	3.182.681.980	-	716.808.520	-
Ký quỹ	2.804.926.755	-	2.010.187.111	-
Lãi dự thu	2.339.829.859	-	19.335.762.929	-
Cổ tức được chia (*)	17.286.257.000	-	-	-
Phải thu khác	479.527.817	-	722.209.417	-
TỔNG CỘNG	26.093.223.411	-	22.784.967.977	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>8.021.232.617</i>	<i>-</i>	<i>3.756.624.204</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>18.071.990.794</i>	<i>-</i>	<i>19.028.343.773</i>	<i>-</i>
Dài hạn				
Đặt cọc thuê văn phòng	350.576.081	-	350.576.081	-
Phải thu khác	698.243.000	-	698.243.000	-
TỔNG CỘNG	1.048.819.081	-	1.048.819.081	-

(*) Cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội, công ty liên kết của Công ty, theo thông báo Số 1184/TB-SGDHCM ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	124.047.583.306	-	75.165.665.694	-
Nguyên vật liệu	207.256.682.276	-	236.337.085.492	-
Công cụ, dụng cụ	20.920.839.728	-	21.401.425.834	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.663.560.657	-	5.588.020.358	-
Thành phẩm	99.101.845.244	-	109.206.490.703	-
Hàng hóa	41.683.523	-	49.149.103	-
Hàng gửi đi bán	99.727.962.520	-	53.691.587.541	-
TỔNG CỘNG	555.760.157.254	-	501.439.424.725	-

Hàng tồn kho của Công ty với giá trị 88,2 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	Ngắn hạn	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.953.641.546	4.864.331.569
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.049.442.913	993.160.510
TỔNG CỘNG	8.003.084.459	5.857.492.079
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.511.473.888	8.030.522.457
Tiền thuê đất trả trước	36.560.415.897	37.713.833.205
Chi phí sửa chữa lớn	17.382.427.499	10.555.737.579
Chi phí trả trước khác	2.741.030.499	552.349.550
TỔNG CỘNG	64.195.347.783	56.852.442.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đân	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	761.727.723.956	1.660.304.340.323	150.700.038.346	7.948.412.734	18.054.150.000	23.152.067.254	2.621.886.732.613
- Mua trong kỳ	-	1.681.655.641	4.973.156.000	-	-	-	6.654.811.641
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.670.018.300)	-	-	-	(10.670.018.300)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	761.727.723.956	1.661.985.995.964	145.003.176.046	7.948.412.734	18.054.150.000	23.152.067.254	2.617.871.525.954
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	36.591.119.601	502.113.173.769	55.325.902.607	2.578.945.684	2.466.500.000	4.860.404.296	603.936.045.957
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	227.888.546.351	1.171.125.374.139	113.479.375.722	6.788.744.128	9.033.053.115	18.446.618.962	1.546.761.712.417
- Khấu hao trong kỳ	16.732.207.860	63.348.005.896	5.013.912.526	403.578.111	538.747.500	769.323.618	86.805.775.511
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.670.018.300)	-	-	-	(10.670.018.300)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	244.620.754.211	1.234.473.380.035	107.823.269.948	7.192.322.239	9.571.800.615	19.215.942.580	1.622.897.469.628
Giá trị còn lại:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	533.839.177.605	489.178.966.184	37.220.662.624	1.159.668.606	9.021.096.885	4.705.448.292	1.075.125.020.196
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	517.106.969.745	427.512.615.929	37.179.906.098	756.090.495	8.482.349.385	3.936.124.674	994.974.056.326

Tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 988,4 tỷ VND của Công ty được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	78.087.072.029	1.075.438.000	79.162.510.029
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	78.087.072.029	1.075.438.000	79.162.510.029
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	284.500.000	284.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	19.946.942.194	616.952.320	20.563.894.514
- Hao mòn trong kỳ	1.266.401.820	67.852.302	1.334.254.122
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	21.213.344.014	684.804.622	21.898.148.636
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	58.140.129.835	458.485.680	58.598.615.515
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	56.873.728.015	390.633.378	57.264.361.393

Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại là 56,9 tỷ VND được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 20.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa (*)	45.959.137.232	-
TỔNG CỘNG	45.959.137.232	-

(*) Bao gồm chi phí thi công xây dựng Nhà máy 8 - Nhà máy sản xuất hạt nhựa và sản phẩm từ nhựa của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 15.1)					
- Công ty An Tiến (i)	2.807.566.671.231	(214.446.396.057)	2.807.566.671.231	(256.923.307.651)	
- Công ty An Phát Complex	407.298.831.231	-	407.298.831.231	-	216.584.510.880
- Công ty An Phát Complex 1	921.840.000.000	-	921.840.000.000	-	(i)
- Công ty An Vinh	295.560.000.000	-	295.560.000.000	-	(i)
- An Phat International, Inc.	461.395.540.000	-	461.395.540.000	-	(i)
- Công ty An Thành	455.040.300.000	(161.671.675.791)	455.040.300.000	(193.886.852.368)	(i)
- Công ty PBAT	174.412.000.000	(50.896.472.384)	174.412.000.000	(63.036.455.283)	(i)
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.2)	92.020.000.000	(1.878.247.882)	92.020.000.000	-	(i)
- Công ty Nhựa Hà Nội (ii)	1.143.203.927.841	-	1.143.203.927.841	-	
- Công ty Nhựa Bao bì Vinh	1.014.494.728.614	-	1.014.494.728.614	-	636.134.257.600
- Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ Phần mềm Nam Việt	74.316.719.775	-	74.316.719.775	-	57.493.018.000
	54.392.479.452	-	54.392.479.452	-	(i)
TỔNG CỘNG	3.950.770.599.072	(214.446.396.057)	3.950.770.599.072	(256.923.307.651)	

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty An Tiến (mã chứng khoán giao dịch: HII), Công ty Nhựa Hà Nội (mã chứng khoán giao dịch: NHH) và Công ty Nhựa Bao bì Vinh (mã chứng khoán giao dịch: VBC) được xác định theo giá đóng cửa phiên giao dịch tại các ngày cuối kỳ kế toán trên sàn chứng khoán HOSE. Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó Công ty không trích lập dự phòng.

Cổ phiếu của các công ty còn lại không được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(ii) Công ty đã sử dụng 36.622.000 cổ phiếu Công ty An Tiến và 23.718.000 cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu phát hành như được trình bày tại Thuyết minh 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng các khoản đầu tư dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Số đầu kỳ	256.923.307.651	201.107.266.281
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.878.247.882	42.209.023.694
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(44.355.159.476)	(6.450.325.752)
Số cuối kỳ	<u>214.446.396.057</u>	<u>236.865.964.223</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các khoản đầu tư trực tiếp tại 7 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7) với tỷ lệ như sau:

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty An Tiến	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%
Công ty An Phát Complex	93,04%	93,04%	93,04%	93,04%
Công ty An Phát Complex 1	24%	99,99%	24%	99,99%
Công ty An Vinh	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%
An Phat International, Inc.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty An Thành	48,69%	99,69%	48,69%	99,69%
Công ty PBAT	21,15%	60,98%	21,15%	55%

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
			Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa loại khuôn mẫu	47,44%	47,44%
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh ("Công ty Nhựa Bao bì Vinh")	Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất, kinh doanh nhựa và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	34,84%	34,84%
Công ty Cổ phần giải pháp và dịch vụ phần mềm Nam Việt ("Công ty Nam Việt")	BT4 lô E9 Vimexco, đường Phạm Hùng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất bản phần mềm	49%	49%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả người bán	216.302.702.996	216.302.702.996	237.534.280.479	237.534.280.479
Công ty Chevron Phillips Chemicals Asia Pte Ltd	76.679.647.605	76.679.647.605	27.412.800.880	27.412.800.880
Công ty Gulf Polymers Distribution FZCO	25.716.342.106	25.716.342.106	96.364.749.545	96.364.749.545
Khác	113.906.713.285	113.906.713.285	113.756.730.054	113.756.730.054
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	27.156.190.995	27.156.190.995	20.527.785.042	20.527.785.042
TỔNG CỘNG	243.458.893.991	243.458.893.991	258.062.065.521	258.062.065.521

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước khác	77.228.713.478	77.228.713.478	57.440.158.533	57.440.158.533
Trả trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	63.631.042.251	63.631.042.251	7.691.280.519	7.691.280.519
TỔNG CỘNG	140.859.755.729	140.859.755.729	65.131.439.052	65.131.439.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.072.008.111	39.706.266.400	(17.194.038.038)	26.584.236.473
Thuế giá trị gia tăng	-	2.843.278.399	(2.843.278.399)	-
Các loại thuế khác	81.811.225	1.698.776.972	(1.302.980.782)	477.607.415
TỔNG CỘNG	4.153.819.336	44.248.321.771	(21.340.297.219)	27.061.843.888
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số phải thu trong kỳ	Số đã được căn trừ trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Phải thu				
Thuế bảo vệ môi trường	2.487.500	-	-	2.487.500
Thuế giá trị gia tăng	7.565.782.701	77.587.188.936	(59.779.221.955)	25.373.749.682
TỔNG CỘNG	7.568.270.201	77.587.188.936	(59.779.221.955)	25.376.237.182

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Trích trước lương tháng 13	8.956.132.146	18.208.181.745
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	4.460.305.123	4.441.509.773
Chi phí lãi vay phải trả	4.258.893.004	4.544.469.855
Chi phí khác	4.192.289.112	4.114.855.891
TỔNG CỘNG	21.867.619.385	31.309.017.264

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	4.770.292.214	4.566.576.078
Cổ tức phải trả	109.328.043	109.328.043
Phải trả khác	900.968.230	373.483.641
TỔNG CỘNG	5.780.588.487	5.049.387.762

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023			Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Khác	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	1.237.115.917.049	1.237.115.917.049	1.333.530.725.377	(1.423.001.053.248)	2.847.973.144	1.150.493.562.322	1.150.493.562.322	
Vay dài hạn đến hạn trả	129.745.000.011	129.745.000.011	20.216.177.120	(75.705.000.000)	574.999.989	74.831.177.120	74.831.177.120	
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	467.625.378.782	467.625.378.782	-	-	1.424.772.726	469.050.151.508	469.050.151.508	
TỔNG CỘNG	1.834.486.295.842	1.834.486.295.842	1.353.746.902.497	(1.498.706.053.248)	4.847.745.859	1.694.374.890.950	1.694.374.890.950	
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng	172.523.246.359	172.523.246.359	292.650.932.457	(39.451.777.120)	1.377.176.154	427.099.577.850	427.099.577.850	
TỔNG CỘNG	172.523.246.359	172.523.246.359	292.650.932.457	(39.451.777.120)	1.377.176.154	427.099.577.850	427.099.577.850	
TỔNG CỘNG	2.007.009.542.201	2.007.009.542.201	1.646.397.834.954	(1.538.157.830.368)	6.224.922.013	2.121.474.468.800	2.121.474.468.800	

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	VND 795.286.462.850	Nguyên tệ Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, từ 4 tháng đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng hoặc trả khi đáo hạn gốc vay. Gốc vay đáo hạn lần cuối vào tháng 12 năm 2024.	2,6% - 5,5%	(i)
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	355.207.099.472	13.944.454 USD Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, từ 4 tháng đến 6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay đáo hạn lần cuối vào tháng 12 năm 2024.	3,4% - 4,3%	(i)

TỔNG CỘNG

1.150.493.562.322

(i) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VND và USD của Công ty tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 325,2 tỷ VND;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng;
- Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với tổng trị giá là 88,2 tỷ VND hình thành từ nguồn tiền vay tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Dương;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 1, 2, 5 và 6; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, và một số tài sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Vay ngắn hạn dài hạn

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	501.930.754.970	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ. Lãi vay trả hàng tháng hoặc hàng quý. Ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 6 năm 2030.	5,34% - 12%	(ii)
TỔNG CỘNG	501.930.754.970			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	74.831.177.120			
Vay dài hạn	427.099.577.850			

(ii) Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng VND và USD của Công ty tại các ngân hàng thương mại với tổng số tiền là 317,2 tỷ VND;
- Các khoản phải thu hình thành từ vốn vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng;
- Bảo lãnh cá nhân của một số lãnh đạo chủ chốt của Công ty;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy 1, 2, 5, 6 và 8;
- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY737232, CY338692, CY338691 tại Lô CN11+CN1, cụm Công nghiệp An Đông, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam; và
- Một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị khác và một số tài sản khác.

Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Trái phiếu phát hành

Bên mua trái phiếu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	120.000.000.000	Gốc đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả định kỳ	8%	Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng cầm cố cổ phần liên quan. Cụ thể:
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	150.000.000.000	mỗi 6 tháng vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm.	-	- 12.240.000 cổ phần của Công ty An Phát Holdings thuộc sở hữu của một đối tác doanh nghiệp là cổ đông lớn của Công ty An Phát Holdings;
Ngân hàng Daegu – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	100.000.000.000		-	- 16.472.000 cổ phần của Công ty thuộc sở hữu của Công ty An Phát Holdings;
Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	100.000.000.000		-	- 23.718.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội") thuộc sở hữu của Công ty; và
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(949.848.492)		-	- 36.622.000 cổ phần của Công ty An Tiến thuộc sở hữu của Công ty.
TỔNG CỘNG	469.050.151.508			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Số đầu kỳ	1.760.688.711	14.622.053.168
Trích quỹ trong kỳ (*)	32.844.419.644	6.768.194.871
Sử dụng trong kỳ	<u>(20.349.200.949)</u>	<u>(12.600.730.726)</u>
Số cuối kỳ	<u>14.255.907.406</u>	<u>8.789.517.313</u>

(*) Trong kỳ, Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 22.1.



Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	301.056.705.902	5.031.706.379.173
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	52.295.557.148	52.295.557.148
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.768.194.871)	(6.768.194.871)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	346.584.068.179	5.077.233.741.450
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2024	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	458.510.609.249	5.189.160.282.520
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	362.226.972.663	362.226.972.663
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(32.844.419.644)	(32.844.419.644)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	3.822.744.960.000	823.961.323.817	72.330.911.673	11.612.477.781	787.893.162.268	5.518.542.835.539

(*) Công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết số 270501/2024/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 27 tháng 5 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	3.822.744.960.000	3.822.744.960.000
Số cuối kỳ	<u>3.822.744.960.000</u>	<u>3.822.744.960.000</u>
Cổ tức đã công bố	-	-

22.3 Cổ phiếu

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu đang lưu hành	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000
Cổ phiếu phổ thông	382.274.496	3.822.744.960.000	382.274.496	3.822.744.960.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Đô la Mỹ – USD	50.132.677	38.792.771
Đồng Euro – EUR	48.055	1.861
Bảng Anh – GBP	65	74

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng doanh thu	1.909.817.162.409	2.049.901.494.519
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.830.861.350.036</i>	<i>1.659.212.924.830</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>70.939.561.525</i>	<i>382.495.086.575</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>8.016.250.848</i>	<i>8.193.483.114</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(105.404.950)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>-</i>	<i>(105.404.950)</i>
Doanh thu thuần	1.909.817.162.409	2.049.796.089.569
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.830.861.350.036</i>	<i>1.659.107.519.880</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>70.939.561.525</i>	<i>382.495.086.575</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>8.016.250.848</i>	<i>8.193.483.114</i>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	<i>1.806.059.691.270</i>	<i>1.676.713.662.384</i>
<i>Doanh thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	<i>103.757.471.139</i>	<i>373.082.427.185</i>

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.670.608.583	36.771.056.390
Cổ tức (*)	162.690.231.200	30.586.231.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	69.841.465.256	16.232.787.648
TỔNG CỘNG	247.202.305.039	83.590.075.238

(*) Đây là cổ tức được chia từ các công ty con và công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Giá vốn bán thành phẩm	1.515.379.415.872	1.443.352.374.872
Giá vốn bán hàng hóa	69.133.053.344	403.283.378.582
Giá vốn dịch vụ	561.806.262	551.689.431
TỔNG CỘNG	1.585.074.275.478	1.847.187.442.885

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí lãi vay	49.265.907.640	60.217.610.349
Chi phí phát hành trái phiếu (Hoàn nhập)/dự phòng đầu tư tài chính	3.376.948.869 (42.476.911.594)	3.520.692.480 35.758.697.942
Lỗi chênh lệch tỷ giá	2.379.788.843	6.598.853.387
TỔNG CỘNG	12.545.733.758	106.095.854.158

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển và xuất nhập khẩu	64.589.290.668	47.472.997.806
Chi phí quảng cáo và hoa hồng bán hàng	35.252.063.842	17.392.721.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.532.569.211	4.660.233.727
Chi phí nhân viên bán hàng	3.872.379.167	3.420.333.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.647.275.269	2.049.667.509
Chi phí khác	505.633.509	1.741.116.898
TỔNG CỘNG	109.399.211.666	76.737.070.658
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	15.170.066.456	11.301.575.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.048.064.616	13.694.270.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.896.523.756	10.130.127.051
Chi phí nguyên vật liệu	243.615.213	203.994.399
Chi phí khác	2.991.463.439	465.946.951
TỔNG CỘNG	45.349.733.480	35.795.914.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí nguyên vật liệu	1.254.416.832.994	1.165.598.717.599
Chi phí nhân công	150.550.072.607	131.635.026.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ tiền thuê đất trả trước	89.293.446.941	93.359.641.051
Chi phí dịch vụ mua ngoài	207.930.737.609	149.414.049.022
Chi phí khác	3.506.346.948	2.409.482.569
TỔNG CỘNG	<u>1.705.697.437.099</u>	<u>1.542.416.917.216</u>

29. THU NHẬP, CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thu nhập khác	2.024.014.618	2.945.471.003
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.545.454.545	2.256.456.295
Các khoản khác	478.560.073	689.014.708
Chi phí khác	60.814.814	1.252.003.735
Chi phí bồi thường	-	1.232.477.078
Các khoản khác	60.814.814	19.526.657
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>1.963.199.804</u>	<u>1.693.467.268</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	39.784.236.473	14.512.862.244
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.680.473.807	2.454.930.718
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	(77.970.073)	-
TỔNG CỘNG	<u>44.386.740.207</u>	<u>16.967.792.962</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	406.613.712.870	69.263.350.110
<i>Thu nhập chịu mức thuế suất 20%</i>	<i>406.613.712.870</i>	<i>69.263.350.110</i>
Thuế TNDN theo các mức thuế suất áp dụng cho Công ty	81.322.742.574	13.852.670.022
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế suất thuế TNDN 20%</i>	<i>81.322.742.574</i>	<i>13.852.670.022</i>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức được nhận (Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng không được trừ	(32.538.046.240)	(6.117.246.240)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa kỳ trước	(6.067.385.739)	8.441.804.739
Chi phí không hợp lý	(77.970.073)	-
Chi phí khác	551.227.669	86.197.838
	1.196.172.016	704.366.603
Chi phí thuế TNDN	44.386.740.207	16.967.792.962

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Chênh lệch kỳ ghi nhận doanh thu và giá vốn cho mục đích tính thuế TNDN	3.163.261.465	1.316.838.535	1.846.422.930	(1.258.758.702)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	-	799.356.573	(799.356.573)	(1.196.172.016)
	<u>3.163.261.465</u>	<u>2.116.195.108</u>		
Phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá khoản mục tiền và phải thu	(5.727.540.164)	-	(5.727.540.164)	-
	<u>(5.727.540.164)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả)/Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	<u>(2.564.278.699)</u>	<u>2.116.195.108</u>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			<u>(4.680.473.807)</u>	<u>(2.454.930.718)</u>

30.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính chắc chắn của thu nhập tính thuế trong tương lai:

Đơn vị tính: VND

Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
Dự phòng khoản đầu tư ra nước ngoài	163.549.923.674
TỔNG CỘNG	<u>163.549.923.674</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty An Phát Holdings”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)	Công ty con
An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd. (“Công ty An Thành Singapore”)	Công ty con
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol (“Công ty An Thành”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”)	Công ty con
An Phat International, Inc.	Công ty con
AFC EcoPlastics, LLC.	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (“Công ty PBAT”)	Công ty con
Ankor Bioplastics Co., Ltd (“Công ty Ankor”)	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty Nhựa Hà Nội”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh (“Công ty Nhựa Bao bì Vinh”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt (“Công ty Nam Việt”)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam (“Công ty Sunrise”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông (“Công ty An Đông”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Ancop (“Công ty Ancop”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát (“Công ty Suất ăn An Phát”)	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH An Trung Industries (“Công ty An Trung”)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển xuất nhập khẩu và đầu tư Viexim (“Công ty Viexim”)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (“Công ty VMC”)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Anbio (“Công ty Anbio”)	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan

Ông Nguyễn Lê Thăng Long
Bà Nguyễn Thị Tiên
Bà Trần Thị Hoàn
Ông Phan Trí Nghĩa
Bà Hòa Thị Thu Hà
Ông Nguyễn Lê Trung
Ông Nguyễn Xuân Cờ
Bà Nguyễn Thị Giang
Bà Nguyễn Thị Phượng
Bà Văn Thị Lan Anh
Ông Phạm Ánh Dương

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Lãnh đạo chủ chốt của công ty APH



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	74.200.000.000
		Thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	-	74.200.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	415.343.518	489.266.079
		Mua hàng và dịch vụ	1.662.981.800	1.094.981.092
		Thanh toán phí dịch vụ	1.796.020.344	1.204.479.200
Công ty An Thành	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.260.144.301	264.226.897.351
		Thu tiền hàng	100.581.149.762	442.768.438.963
		Mua hàng và dịch vụ	72.734.240.679	75.725.630.840
		Thanh toán tiền hàng	91.707.855.720	66.153.607.825
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Doanh thu bán hàng	1.713.270.000	20.239.144.200
		Thu tiền hàng	1.713.270.000	22.406.090.850
		Mua hàng	18.541.878.450	29.472.360.150
		Thanh toán tiền hàng	10.669.193.070	40.461.710.002
Công ty An Vinh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.613.688.170	5.059.716.661
		Thu tiền hàng	8.021.607.990	17.772.875.013
		Mua hàng	1.058.678.400	210.984.332
		Thanh toán tiền hàng	1.115.043.900	266.418.265
		Thu tiền cho vay	15.000.000.000	-
		Cổ tức được chia	-	8.596.000.000
		Nhận tiền cổ tức	-	8.596.000.000
Công ty An Tiến	Công ty con	Mua hàng và dịch vụ	38.327.282.990	40.019.789.886
		Thanh toán tiền hàng và dịch vụ	42.453.521.173	43.500.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.580.095.052	23.363.088.978
		Thu tiền hàng và dịch vụ	52.036.754.357	10.000.000.000
An Phat International, Inc.	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	18.244.698.676
		Thu tiền hàng	2.415.755.547	41.438.274.951
		Mua hàng và dịch vụ	15.414.225.915	4.066.172.702
		Thanh toán tiền hàng	15.432.992.849	4.076.320.988
Công ty An Tín	Công ty con	Mua hàng và dịch vụ	48.427.056.236	35.128.426.115
		Thanh toán tiền hàng và phí dịch vụ	44.581.607.136	40.072.909.418
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	525.818.184	601.090.913
		Thu tiền hàng và dịch vụ	575.520.000	661.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	71.500.000.000	144.230.000.000
		Thu hồi gốc vay	329.480.000.000	68.340.000.000
		Lãi cho vay	1.379.159.178	2.572.527.396
		Thu tiền lãi cho vay	13.642.398.494	-
		Cổ tức được chia	140.700.000.000	-
		Nhận cổ tức bằng tiền	140.700.000.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	264.715.000	262.393.184
		Thu tiền hàng và dịch vụ	288.292.200	288.632.500
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	620.807.016	40.023.816
		Thu tiền hàng và dịch vụ	682.006.377	42.924.000
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Doanh thu bán hàng	16.391.096.592	11.648.477.240
		Thu tiền hàng và dịch vụ	15.315.139.425	13.513.140.909
Công ty PBAT	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	83.448.334	88.374.000
		Nhận thanh toán tiền hàng	300.000.000	7.211.399
		Cho vay	650.000.000	92.300.000.000
		Nhận tiền cho vay	99.590.000.000	-
		Lãi cho vay	1.029.254.848	1.901.904.110
		Thu tiền lãi cho vay	7.043.591.287	-
Công ty Ankor	Công ty con	Mua hàng	2.510.520.000	1.377.092.000
		Thanh toán tiền hàng	2.510.520.000	198.492.000
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	334.665.610	24.760.757.968
		Thu tiền hàng và dịch vụ	244.703.440	161.409.848.767
		Mua hàng	306.849.774	12.974.857
		Thanh toán tiền hàng	152.542.587	10.180.463
		Cho vay	21.184.019.400	-
		Nhận tiền cho vay	1.184.019.400	-
		Lãi cho vay	306.205.977	-
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	17.286.257.000	17.286.257.000
		Nhận cổ tức bằng tiền	-	17.286.257.000
		Doanh thu bán hàng	1.752.198.000	15.000.000
		Thu tiền hàng và dịch vụ	1.404.707.750	16.500.000
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng	25.671.786.636	30.651.832.000
		Thanh toán tiền hàng	26.595.835.240	51.435.833.350
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.916.167.038	3.878.677.330
		Thu tiền hàng và dịch vụ	6.782.358.750	7.428.526.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng và dịch vụ Thanh toán tiền hàng	- 195.000.000	11.427.365.960 18.050.000.000
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia Nhận tiền cổ tức	4.703.974.200 4.703.974.200	4.703.974.200 4.703.974.200
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng và dịch vụ Thanh toán phí dịch vụ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Thu tiền hàng và dịch vụ	8.982.752.895 9.566.577.387 104.316.838 113.271.925	8.280.444.272 8.988.185.660 126.022.972 134.421.951
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng Giám đốc	Chi hộ	246.882.154	-
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt của APH	Chi hộ và tạm ứng Thanh toán chi hộ và hoàn ứng	5.564.414.109 5.563.981.575	- -
Các bên liên quan khác	Các bên liên quan khác	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Thu tiền hàng Mua hàng	181.697.486 189.832.848 114.164.950	38.797.817 42.677.600 141.348.140



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Ngoại trừ khoản phải thu về cho vay có lãi suất, số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Ankor	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Bán hàng	2.834.118.900	5.088.104.000
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.154.389.568	1.180.802.777
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Bán hàng	1.028.967.467	-
Công ty An Phát Holdings	Công ty mẹ	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	887.685.999	442.750.000
Công ty An Vinh	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	830.920.313	557.763.926
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Bán hàng	522.519.340	-
Công ty An Thành	Công ty con	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	19.865.316.374
An Phat International, Inc.	Công ty con	Bán hàng	-	2.407.756.792
Bên liên quan khác		Bán hàng và cung cấp dịch vụ	151.877.319	246.420.280
			7.410.478.906	29.788.914.149



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)				
Công ty An Thành	Công ty con	Mua hàng	3.385.198.217	-
Công ty PBAT	Công ty con	Mua hàng	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần ANBIO	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng	195.000.000	-
			4.580.198.217	1.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)				
Công ty An Cường	Công ty cùng Tập đoàn	Cho vay	20.000.000.000	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay	-	257.980.000.000
Công ty PBAT	Công ty con	Cho vay	-	98.940.000.000
			20.000.000.000	356.920.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn (Mã số 215)				
Công ty Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty con	Cho vay	-	15.000.000.000
			-	15.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	17.286.257.000	-
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt của công ty APH	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	479.527.817	479.095.283
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Lãi phải thu	-	12.263.239.316
Công ty PBAT	Công ty con	Lãi phải thu	-	6.014.336.439
Bên liên quan khác		Phải thu khác	306.205.977	271.672.735
			18.071.990.794	19.028.343.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)				
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Mua hàng	7.872.685.380	-
Công ty An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ vận tải	6.986.588.444	1.666.946.167
Công ty Sunrise	Công ty liên kết của công ty con	Mua hàng	5.190.368.588	3.547.238.528
Công ty An Tiến	Công ty con	Mua hàng	5.065.705.627	5.642.389.823
Công ty An Thành	Công ty con	Mua hàng	-	8.314.992.751
Công ty Suất ăn An Phát	Công ty liên kết của công ty con	Mua dịch vụ	1.472.040.200	1.337.120.160
Bên liên quan khác		Mua hàng và dịch vụ	568.802.756	19.097.613
			27.156.190.995	20.527.785.042
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 16.2)				
Công ty An Tiến	Công ty con	Bán hàng	38.203.784.460	7.663.245.643
Công ty An Thành	Công ty con	Bán hàng	25.427.257.791	-
AFC Ecoplastics, LLC.	Công ty con	Bán hàng	-	28.034.876
			63.631.042.251	7.691.280.519
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)				
Công ty An Tín	Công ty con	Chi phí chi trả hộ	4.770.292.214	4.566.576.078
			4.770.292.214	4.566.576.078

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Tổng giám đốc	477.331.154	371.815.807
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	488.682.693	320.153.615
Bà Trần Thị Thoản	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	534.640.385	371.135.463
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phan Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Xuân Cờ	Phó Tổng Giám đốc	387.333.154	-
Ông Đinh Xuân Cường	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 5 năm 2023)	-	10.000.000
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024)	-	285.470.023
TỔNG CỘNG		2.097.987.386	1.568.574.908

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

- ▶ Bộ phận sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa, bao bì nhựa các loại;
- ▶ Bộ phận kinh doanh thương mại các loại vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa; và
- ▶ Bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác gồm cho thuê nhà xưởng, kho bãi, và một số dịch vụ khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.830.861.350.036	70.939.561.525	8.016.250.848	-	1.909.817.162.409
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.830.861.350.036	70.939.561.525	8.016.250.848	-	1.909.817.162.409
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	315.481.934.164	1.806.508.181	7.454.444.586	-	324.742.886.931
Chi phí không phân bổ (i)					81.870.825.939
Lợi nhuận thuần trước thuế					406.613.712.870
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(44.386.740.207)
Lợi nhuận thuần sau thuế					362.226.972.663
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ					6.654.811.641
Tại sản cố định hữu hình	6.362.203.168	290.249.773	2.358.700	-	45.959.137.232
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	43.938.338.796	2.004.508.896	16.289.540	-	88.140.029.633
Khấu hao và hao mòn	84.264.560.145	3.844.229.551	31.239.937	-	1.153.417.308
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.102.702.172	50.306.324	408.812	-	
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024					
Tài sản và công nợ					2.227.159.074.291
Tài sản bộ phận					5.889.508.398.617
Tài sản không phân bổ (ii)					8.116.667.472.908
Tổng tài sản					384.318.649.720
Công nợ bộ phận					2.213.805.987.649
Công nợ không phân bổ (iii)					2.598.124.637.369
Tổng công nợ					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh thương mại	Hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.659.107.519.880	382.495.086.575	8.193.483.114	-	2.049.796.089.569
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.659.107.519.880	382.495.086.575	8.193.483.114	-	2.049.796.089.569
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	215.755.145.008	(20.788.292.007)	7.641.793.683	-	202.608.646.684
Chi phí không phân bổ (i)					(133.345.296.574)
Lợi nhuận thuần trước thuế					69.263.350.110
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(16.967.792.962)
Lợi nhuận thuần sau thuế					52.295.557.148
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ	3.283.336.423	917.388.594	1.254.983	-	4.201.980.000
Tài sản cố định hữu hình	2.530.045.531	706.913.521	967.054	-	3.237.926.106
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	72.047.951.890	20.130.733.121	27.538.732	-	92.206.223.743
Khấu hao và hao mòn	901.255.375	251.817.449	344.485	-	1.153.417.308
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	642.654.526.006	95.304.888.874	1.000.603.660	-	738.960.018.540
Tài sản không phân bổ (ii)					6.841.259.944.596
Tổng tài sản					7.580.219.963.136
Công nợ bộ phận	272.940.208.262	49.906.005.449	349.383.655	-	323.195.597.366
Công nợ không phân bổ (iii)					2.067.864.083.250
Tổng công nợ					2.391.059.680.616

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, phải thu về cho vay, phải thu khác, thuế GTGT được khấu trừ và Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.
- (iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và trái phiếu và quỹ khen thưởng phúc lợi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	698.890.632	698.890.632
Từ 1 - 5 năm	2.795.562.528	2.795.562.528
Trên 5 năm	63.903.762.544	66.177.783.681
TỔNG CỘNG	67.398.215.704	69.672.236.841

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà kho, văn phòng, phương tiện vận tải và một số dịch vụ cho thuê khác theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	8.531.564.138	8.037.452.731
Từ 1 - 5 năm	4.070.247.979	2.389.909.091
TỔNG CỘNG	12.601.812.117	10.427.361.822

Cam kết khác

Công ty và Công ty An Cường đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm ván sàn với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Các khoản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản với các ngân hàng thương mại

Công ty đã ký Thư bảo lãnh với Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam cam kết bảo lãnh cho khoản vay của Công ty Cổ phần An Tiên Industries. Theo đó, Công ty cam kết về việc thanh toán toàn bộ tất cả các nghĩa vụ trực tiếp và các nghĩa vụ ngoài dự kiến mà công ty An Tiên Industries đang nợ nhưng không có khả năng thanh toán khi đến hạn theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Tổng cam kết theo thư bảo lãnh giới hạn ở mức 81.600.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Đỗ Hoài Linh
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Vân
Kế toán trưởng



Hòa Thị Thu Hà
Phó Tổng Giám đốc

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn